

Đối với số nợ thuế của các đối tượng được miễn nộp, chỉ sau khi đã được kiểm tra chặt chẽ và phân loại rõ đối tượng thuộc các trường hợp quy định tại Mục I Thông tư này, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ra quyết định miễn nộp nợ thuế không có khả năng thu được từ năm 1999 trở về trước theo đề nghị của Cục Thuế.

Quyết định miễn nộp nợ thuế của các địa phương phải được thực hiện xong trước ngày 31 tháng 3 năm 2001. Quyết định được gửi đến từng quận, huyện đồng thời gửi về Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) để tổng hợp.

Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện chịu trách nhiệm thông báo quyết định cho từng xã tổng số nợ thuế được miễn nộp kèm theo danh sách số nợ thuế được miễn nộp của từng tổ chức, cá nhân, Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm thông báo đến các hộ được miễn nộp nợ thuế đúng với quyết định của Ủy ban nhân dân huyện và niêm yết công khai danh sách số nợ thuế được miễn nộp cho các hộ tại trụ sở của Ủy ban nhân dân xã.

Đối với số nợ thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất từ năm 1999 trở về trước của các đối tượng không thuộc diện miễn nộp nêu tại Mục II Thông tư này, cơ quan thuế địa phương tiếp tục theo dõi, tích cực đôn đốc các đối tượng nợ thuế nộp các khoản tồn đọng vào ngân sách nhà nước.

Trường hợp các đối tượng còn nợ thuế từ năm 1999 trở về trước thuộc đối tượng được miễn nộp nợ thuế nhưng trong năm 2000 đã nộp thì số thuế đã nộp được trừ vào số thuế phải nộp của năm 2000, 2001.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chỉ đạo Cục Thuế và các ngành chức năng có liên quan ở địa phương hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc xử lý nợ thuế sử dụng đất nông nghiệp, nhà đất từ năm 1999 trở về trước theo đúng Quyết định số 105/2000/QĐ-TTg và hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Cơ quan thuế các cấp có trách nhiệm giúp chính quyền các cấp chỉ đạo cơ quan thuế cấp dưới cùng các ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp dưới thực hiện việc kiểm tra, phân loại, xử lý nợ thuế sử dụng đất nông nghiệp, nhà đất từ năm 1999 trở về trước ở địa phương mình, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xét duyệt. Cục Thuế tỉnh, thành phố kiểm tra, tổng hợp miễn nộp nợ thuế sử dụng đất nông nghiệp, nhà đất từ năm 1999 trở về trước, báo cáo Hội đồng tư vấn thuế xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Chủ trương miễn nộp nợ thuế sử dụng đất nông nghiệp, nhà đất từ năm 1999 trở về trước là một chủ trương lớn của Đảng và Chính phủ nhằm giảm bớt khó khăn về đời sống cho các đối tượng nợ thuế sử dụng đất nông nghiệp, nhà đất không có khả năng nộp thuế, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan thông tấn (báo, đài ở địa phương) tổ chức việc tuyên truyền sâu rộng tới mọi tổ chức, cá nhân để họ hiểu biết và kiểm tra thực hiện.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các địa phương phản ánh về Bộ Tài chính để hướng dẫn giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

VŨ VĂN NINH

THÔNG TƯ số 106/2000/TT-BTC ngày 24/10/2000 hướng dẫn việc giảm, miễn các loại thuế đối với vùng lũ lụt.

Trong các năm gần đây, lũ lụt liên tiếp xảy ra ở nhiều vùng trong cả nước làm thiệt hại về người và tài sản của Nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; đồng thời tác động xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đời sống của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong vùng lũ lụt. Căn cứ vào các luật thuế hiện hành, căn cứ Nghị

quyết số 15/2000/NQ-CP ngày 06/10/2000 của Chính phủ, nhằm giúp các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tại các vùng lũ lụt thiên tai sớm khắc phục được hậu quả, phục hồi sản xuất kinh doanh, ổn định đời sống, Bộ Tài chính hướng dẫn việc giảm, miễn các loại thuế đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tại các vùng bị lũ lụt như sau:

I. MIỄN, GIẢM THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

1. Đối với các cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế.

- Hàng hóa có thuế giá trị gia tăng đầu vào được cơ quan thuế xác định kịp thời và khấu trừ đầy đủ. Thuế giá trị gia tăng đầu ra kê khai theo đúng số hàng hóa thực tế đã bán. Trường hợp thuế giá trị gia tăng đầu vào lớn hơn thuế giá trị gia tăng đầu ra thì được hoàn thuế hàng tháng.

- Các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng nếu bị lỗ thì được giảm thuế theo quy định tại Điều 28 của Luật Thuế giá trị gia tăng.

2. Đối với hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp trực tiếp và khoán thuế.

Căn cứ vào mức độ thiệt hại do lũ lụt của từng hộ kinh doanh để xem xét miễn thuế hoặc giảm 50% số thuế phải nộp 1 hoặc 2 tháng. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác định mức độ thiệt hại và quy định việc giảm, miễn thuế.

II. MIỄN, GIẢM THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

1. Đối với các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh, chi phí khắc phục hậu quả sau lũ lụt được công nhận là khoản chi phí hợp lý để xác định thu nhập chịu thuế. Nếu hạch toán khoản chi phí hợp lý này vào mà không còn thu nhập chịu thuế thì không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp đã tính đủ chi phí mà doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh bị lỗ thì được chuyển số lỗ này vào thu nhập chịu thuế các năm sau (thời hạn 3 năm).

2. Đối với hộ kinh doanh công thương nghiệp và dịch vụ, việc miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 24/2000/TT-BTC ngày 30/3/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 08/2000/QĐ-TTg ngày 17/1/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các hộ kinh doanh công thương nghiệp và dịch vụ bị thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ.

III. MIỄN, GIẢM TIỀN THUÊ ĐẤT, THUẾ NHÀ ĐẤT

1. Miễn, giảm tiền thuê đất:

Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh hiện đang đăng ký hợp đồng thuê đất và nộp tiền thuê đất cho Nhà nước, tùy theo mức độ thiệt hại được miễn, giảm tiền thuê đất như sau:

Các cơ sở sản xuất kinh doanh có mức thiệt hại trên 50% giá trị tài sản, hậu quả lũ lụt để lại phải khắc phục trong một thời gian dài mới ổn định sản xuất kinh doanh được miễn tiền thuê đất trong thời gian 1 năm.

Các cơ sở sản xuất kinh doanh có mức thiệt hại dưới 50% giá trị tài sản được giảm khoảng 50% tiền thuê đất trong thời gian 1 năm.

2. Miễn, giảm thuế nhà đất:

Đối với hộ gia đình ở nông thôn và thành thị, các cơ sở kinh doanh có diện tích kê khai nộp thuế nhà đất có nhà cửa, công trình xây dựng bị trôi, mất hoặc đổ sập do lũ lụt được miễn thuế nhà đất 1 năm.

Đối với hộ gia đình ở nông thôn và thành thị, các cơ sở kinh doanh có diện tích kê khai nộp thuế nhà đất có nhà cửa, công trình xây dựng bị hư hỏng do lũ lụt phải sửa chữa được giảm 50% thuế nhà đất 1 năm.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quy định việc xác định mức độ thiệt hại và miễn hoặc giảm thuế nhà đất.

IV. MIỄN, GIẢM THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI HỘ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP THUỘC VÙNG BỊ LŨ LỤT

Việc miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với hộ sản xuất nông nghiệp thuộc vùng bị lũ lụt được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 79/2000/TT-BTC ngày 28/7/2000 của Bộ Tài chính.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với hộ sản xuất nông nghiệp thuộc vùng bị lũ lụt theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

Căn cứ vào quy định của các luật thuế và hướng dẫn trên đây, chỉ đạo cơ quan thuế và các ngành có liên quan ở địa phương tổ chức thực hiện việc giảm, miễn các loại thuế kịp thời, đúng chính sách, đúng đối tượng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tại các vùng bị lũ lụt ở địa phương mình; chỉ đạo các cơ quan thông tin, tuyên truyền ở địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, giải thích chính sách miễn, giảm thuế của Nhà nước đối với vùng lũ lụt để nhân dân biết và thực hiện.

Quy định cụ thể việc xác định mức độ thiệt hại để cơ quan thuế có căn cứ xét miễn, giảm từng loại thuế trên cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tại các vùng bị lũ lụt.

2. Thông tư này có hiệu lực từ ngày ký và được áp dụng đối với tất cả các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại do thiên tai gây ra tại các vùng bị lũ lụt trong cả nước./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

VŨ VĂN NINH

BỘ XÂY DỰNG

QUYẾT ĐỊNH số 21/2000/QĐ-BXD ngày 25/10/2000 về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực.

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 04/3/1994 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các Cục, Vụ, Viện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố 327 văn bản quy phạm pháp luật thuộc ngành xây dựng hết hiệu lực (có danh mục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng

NGUYỄN MẠNH KIỂM